# LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và những ứng dụng của nó trong đời sống. Máy tính điện tử không còn là một thứ phương tiện lạ lẫm đối với mọi người mà nó dần trở thành một công cụ làm việc và giải trí thông dụng và hữu ích của chúng ta, không chỉ ở công sở mà còn ngay cả trong gia đình.

Trong nền kinh tế hiện nay, với xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, mọi mặt của đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, đặc biệt là nhu cầu trao đổi hàng hoá của con người ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay các công ty tin học hàng đầu thế giới không ngừng đầu tư và cải thiện các giải pháp cũng như các sản phẩm nhằm cho phép tiến hành thương mại hóa trên Internet. Thông qua các sản phẩm và công nghệ này, chúng ta dễ dàng nhận ra tầm quan trọng và tính tất yếu của thương mại điện tử. Với những thao tác đơn giản trên máy có nối mạng Internet bạn sẽ có tận tay những gì mình cần mà không phải mất nhiều thời gian. Bạn chỉ cần vào các trang dịch vụ thương mại điện tử, làm theo hướng dẫn và click vào những gì bạn cần. Các nhà dịch vụ sẽ mang đến tận nhà cho bạn.

Để tiếp cận và góp phần đẩy mạnh sự phổ biến của thương mại điện tử ở Việt Nam, Em đã tìm hiểu, xây dựng và cài đặt "Website bán hàng trực tuyến" với mặt hàng là: Điện thoại di động

Qua khảo sát thực tế, ở Việt Nam thì hình thức bán hàng qua mạng này cũng khá phổ biến, tuy nhiên vẫn chưa được hoàn chỉnh bởi hình thức thanh toán quá phức tạp,cho nên ở website này em có đưa ra một số giải pháp giả lập để làm cho đơn giản.

Cùng với sự chỉ bảo tận tình của cô Nguyễn Thị Thanh Bình em đã hoàn thành website này. Trong quá trình phân tích thiết kế hệ thống không thể tránh khỏi những sai sót mong cô đóng góp ý kiến để trang Web được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện:

Ngô Anh Quyết

# MỤC LỤC

#### I. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

∔ Thương mại điện tử là gì?

Thương mại điện tử (Còn gọi là E-commerce hay E-Business) là quy trình mua bán hàng hóa và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử và mạng viễn thông, đặc biệt là qua máy tính và mạng Internet.

Ngày nay người ta hiểu khái niệm thương mại điện tử thông thường là tất cả các phương pháp tiến hành kinh doanh và các quy trình quản trị thông qua các kênh điện tử mà trong đó Internet hay ít nhất là các kỹ thuật và giao thức được sử dụng trong Internet đóng một vai trò cơ bản và công nghệ thông tin được coi là điều kiện tiên quyết. Một khía cạnh quan trọng khác là không còn phải thay đổi phương tiện truyền thông, một đặc trưng cho việc tiến hành kinh doanh truyền thống. Thêm vào đó là tác động của con người vào quy trình kinh doanh được giảm xuống đến mức tối thiểu. Trong trường hợp này người ta gọi đó là Thẳng đến gia công (Straight Through Processing). Để làm được điều này đòi hỏi phải tích hợp rộng lớn các các tính năng kinh doanh.

🖶 Lợi ích của Thương mại điện tử?

Lợi ích lớn nhất mà Thương mại điện tử mang lại đó chính là tiết kiệm được chi phí lớn tạo thuận lợi cho các bên giao dịch. Giao dịch bằng phương tiện điện tử nhanh hơn là giao dịch bằng truyền thông, ví dụ gửi fax hay thư điện tử thì nội dung thông tin sẽ đến người nhận nhanh hơn là gửi thư. Các giao dịch qua internet có chi phí rất rẻ, một doanh nghiệp có thể gửi thư tiếp thị, chào hàng đến hàng loạt khách hàng chỉ với chi phí giống như gửi cho một khách hàng. Với Thương mại điện tử, các bên có thể tiến hành giao dịch khi ở cách xa nhau, giữa thành phố với nông thôn, từ nước này sang nước khác hay nói cách khác là không bị giới hạn bởi không gian địa lý. Điều này cho phép các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian gặp mặt trong khi mua bán. Với người tiêu dùng họ có thể ngồi tại nhà để đặt hàng, mua sắm nhiều loại hàng hóa dịch vụ thật nhanh chóng.

Những lợi ích như trên chỉ có được với những doanh nghiệp thực sự nhận thức được tầm quan trọng của Thương mại điện tử. Vì vậy, Thương mại điện tử góp phần thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp để thu được nhiều lợi ích nhất. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Khi các doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh một cách bình đẳng với các doanh nghiệp nước ngoài.

**♣** Úng dụng kinh doanh.

Một số ứng dụng chung nhất của Thương mại điện tử được liệt kê dưới đây:

- ✓ Tài liệu tự động hóa ở chuỗi cung ứng và hậu cần
- ✓ Hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế
- ✓ Quản lý nội dung doanh nghiệp
- ✓ Nhóm mua
- ✓ Trợ lý tự động trực tuyến
- ✓ IM (Instant Messaging)
- ✓ Nhóm tin
- ✓ Mua sắm trực tuyến và theo dõi đặt hàng
- ✓ Ngân hàng điện tử
- ✓ Văn phòng trực tuyến
- ✓ Phần mềm giỏ hàng
- ✓ Hội thảo truyền thông trực tuyến
- ✓ Vé điện tử

#### II. KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

#### 1. Nghiên cứu trách nhiệm và nhiệm vụ trung tâm

Sau quá trình khảo sát hiện trạng bằng việc đi thực tế và tham khảo các trang web bán hang trực tuyến như http://thegioiphone.vn, http://dienthoaihanoi.com, www.dialaphone.co.uk, ...thì em đã tổng hợp được một số thông tin:

- Người chủ cửa hàng là người có chức quyền to nhất: có thể xem thông tin về tình hình thu nhập cũng như mọi thay đổi trên website bán hang.
- Nếu chủ cửa hang cũng là người quản trị website thì mọi thong tin trên web là do chủ cửa hàng đưa lên, nếu thuê nhân viên quản trị thì chủ cửa hang cung cấp thông tin hoặc cấp quyền hạn cho người quản trị.
- Nhân viên chỉ là người giao dịch: tức là xem trong ngày, trong tuần có bao nhiêu đơn đặt hàng và đã giải quyết được bao nhiêu, để có thể báo cáo bất cứ lúc nào cho chủ cửa hàng.
  - ➡ Người chức to nhất thì xem được tất cả các thong tin, còn nhân viên và khách hang chỉ được xem những thong tin mà người cấp trên cho phép.

#### 2. Vấn đề hồ sơ sổ sách, cũng như chứng từ giao dịch

Sau khi đi khảo sát chúng em được biết với những đại lý hay chi nhánh nhỏ ở đây thì song song với việc quản lý trên máy thì họ vẫn yêu cầu nhân viên của mình ghi lại thông tin của hàng nhập về và hàng đã bán vào 1 quyển sổ.

Ví du:

sau:

Ngày	Tên	điện	Số lượng	Giá	Đã trả	Còn nợ
tháng	thoại					

⇒ Đây là đối với đại lí ở đây:
 Em có xem rất nhiều mẫu đơn trên web thì hầu hết đều có nội dung như

- Thông tin người mua: Họ tên, quê quán nơi đang sống, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, email, điện thoại.
- Thông tin về hang: Mã hang, giá, số lượng, thời gian bảo hành.
- Thông tin người nhận: Thường chỉ thấy mỗi dòng địa chỉ người nhân.
- Thông tin về thanh toán:
  - Phương thức thanh toán: +Trực tiếp

+Qua tài khoản ngân lượng.

- Ngày giao hàng
- Cước vận chuyển
- Tổng tiền phải trả

#### ⇒ Về đơn thanh toán:

Mặc dù chưa được nhìn trực tiếp đơn thanh toán nhưng theo em thì nó cũng gồm các thông tin như đơn đặt hàng nhưng thêm hai phần là xác nhận của công ty và xác nhận của công ty và xác nhận của người nhận hang

#### 3. Tài nguyên đã và sẽ sử dụng.

Ta sẽ xây dựng website sử dụng ngôn ngữ PHP và MySQL, chạy trên môi trường Localhost với Xampp; Sử dụng 1 số công cụ thiết kế như Notepad++, Photoshop,...

#### 4. Đánh giá hiện trạng và hướng giải quyết.

Qua quá trình khảo sát thì chúng em thấy hầu hết các web bán hàng trực tuyến đều:

- Giới thiệu được mặt hàng (các hàng sản xuất)
- Đáp ứng phần lớn yêu cầu của giá trị web
- Phần đơn đặt hàng thì có đầy đủ thông tin của người đặt Song chúng em thấy vẫn còn một số hạn chế:
- Thứ nhất: trong phần đơn đặt hàng, thông tin về người đặt mua thì đầy đủ nhưng về người nhận thì thông tin được nhập vào (hầu hết /1 khung) là một hạn

chế -> khó khăn trong việc quản lý đơn viết đơn giao hàng (xử lý khó hơn) - >tránh việc thông tin thiếu .

■ Thứ 2 : vấn đề thanh toán: (quan trọng nhất)

Cũng do điều kiện ở việt nam hầu hết vẫn chưa mang tính chất thực sự của thương mại điện tử. các công ty hầu hết là dùng phương thức: gọi điện thoại đến nhà người đặt, rồi tin tưởng thì đem hàng đến rồi mới thanh toán .(xem phóng sự việc giao hàng của công ty Golmax) cũng có 1 số công ty thì sử dụng thanh toán bằng thẻ phát hành của công ty.

- ⇒ Hướng giải quyết: trong trang web mà chúng em xây dựng sẽ xây dựng cho 3 phương thức thanh toán:
- Thanh toán bằng thẻ phát hành của công ty. người mua chỉ cần nhập tên tài khoản, mã tài khoản vào căn cứ vào tài khoản còn mà trừ dần đi số tiền mua hàng.
- Chúng em cũng đưa ra phương thức thanh toán bằng thẻ ATM với cách thức như sau:

Khi đặt hàng, nếu người mua chọn thanh toán bằng ATM thì sẽ gửi thư mời chuyển phát nhanh đến. sau khi nhận được thì người mua sẽ chuyển tiền vào tài khoản của chủ công ty. Ngay sau khi nhận được thì hàng sẽ được giao đến.

- Thanh toán qua tài khoản ngân lượng trung gian.
- Thứ 3 : phương thức vận chuyển:

Một số trang web có mục vận chuyển bằng ô tô, xa nữa thì máy bay =>cái này là không cần thiết mà ta chỉ cần căn cứ vào địa chỉ của khách hàng mà dùng cách vận chuyển tiết kiệm nhất.

### III. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG.

### 1. Phân tích yêu cầu người dùng

#### Yêu cầu của khách hàng.

- Giao diện dễ sử dụng và có tính thẩm mỹ cao.
- Cho phép khách hang đăng ký thành viên và đảm bảo bí mật thong tin.
- Xem và thay đổi các thong tin về tài khoản.
- Hình thức thanh toán phải đảm bảo chính xác.
- Việc chuyển tiền cũng phải đảm bảo chính xác: Khi chuyển tiền thì việc cộng và trừ tiền trong 2 tài khoản phải diễn ra đồng thời từ 2 tài khoản, tài khoản chuyển và tài khoản nhận.
- Thông tin sản phẩm phong phú, đa dạng:
  - Giới thiệu, bày bán nhiều loại hang, nhiều mặt hang để khách hang có nhiều cơ hội lựa chọn về một loại mặt hang. Thông tin về một sản phẩm phải chi tiết để khách hang có thể nắm bắt rõ thong tin về sản phẩm mình lựa chọn. Đặc biệt là những mặt hang được nhiều khách hang quan tâm.
  - Luôn cập nhật, giới thiệu những thế hệ máy điện thoại mới nhất.
- Thông tin về bảo hành sản phẩm phải rõ rang.
- Cho phép khách hang tìm kiếm nhanh chóng, chính xác theo nhiều tiêu chí.
- Cho phép thống kê các đơn hang đã đặt của mình tại công ty.

#### **♣** Yêu cầu của người quản trị.

Ngoài các yêu cầu giống như của khách hang, thì hệ thống phải đảm bảo những yêu cầu sau của ban quản trị.

- Quản lí chung: liên quan tới các thông tin nhân viên, khách hàng, hàng,...
- Cập nhật thông tin hang hóa trực tuyến

Dễ dàng cập nhật và thường xuyên thay đổi hình ảnh, thong tin chi tiết giá các mặt hàng bạn sẽ kinh doanh ở bất cứ đâu.

• Quản lí các đơn hang trực tuyến

Quản lí, lưu trữ và báo cáo thong tin về đặt hang và trạng thái của đơn hang: đã giao hang chưa, đa thanh toán chưa ...

#### • Quản lí khách hang

Lưu trữ các hoạt động gắn với các khách hang của cửa hang. Mọi hoạt động gắn với khách hang và đơn hang đều có thể thực hiện từ xa, không phụ thuộc vào vị trí địa lý.

- Thống kê chi tiết cụ thể, chính xác và nhanh chóng.
  - Thống kê được mặt hàng nào bán hết, mặt hàng nào bán chạy, mặt hàng nào tồn kho, mặt hàng nào cần chỉnh sửa...
  - ➤ Tổng hợp thu chi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hàng quý và hàng năm.
  - Tổng hợp lưu trữ được ý kiến phản ánh của khách hàng để có thể trả lới khách hàng một cách nhanh chóng và chính xác nhất.
- Cho phép in các danh sách, các thông tin cần thiết.

#### Yêu cầu của nhân viên:

- Sản phẩm: Có thể thêm, sửa xóa thông tin, danh mục
- Quản lý các module : định vị, chỉnh sửa , bật -tắt các module chức năng
- Xem các báo cáo , thống kê, đơn đặt hàng
- Nhận và phản hồi các yêu cầu của khách hàng
- Quản lý các thông tin khác : khuyến mại, tin tức....

### 2. Thiết kế hệ thống.

- 1) Xác định các Actor và Usecase của hệ thống:
  - Khách Hàng

Có các Usecase chính như:

- Đăng ký thành viên
- Tìm kiếm sản phẩm:
  - o Tìm kiếm theo tên sản phẩm
  - o Tìm kiếm theo mức giá
  - o Tìm kiếm theo nhà cung cấp ...
- Đặt hàng, mua hàng: đăng nhập.
- Thanh toán: Trực tiếp tiền mặt, chuyển khoản, tài khoản ngân lượng..
- Nhân Viên

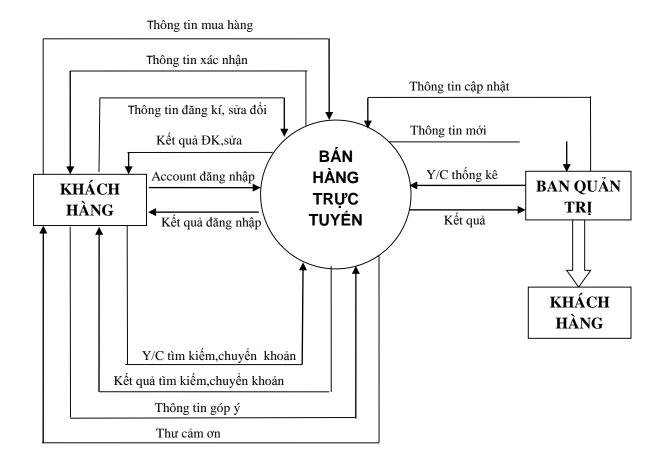
Có các Usecase chính như:

- Quản lí hàng
- Quản lí khách hàng
- Quản lí các loại hàng
- Quản lí bán hàng
- Báo cáo thống kê
- Quản trị viên
  - Quản lí nhân viên:
    - o Thêm nhân viên
    - Sửa nhân viên
    - Xóa nhân viên
  - Quản lí phân quyền

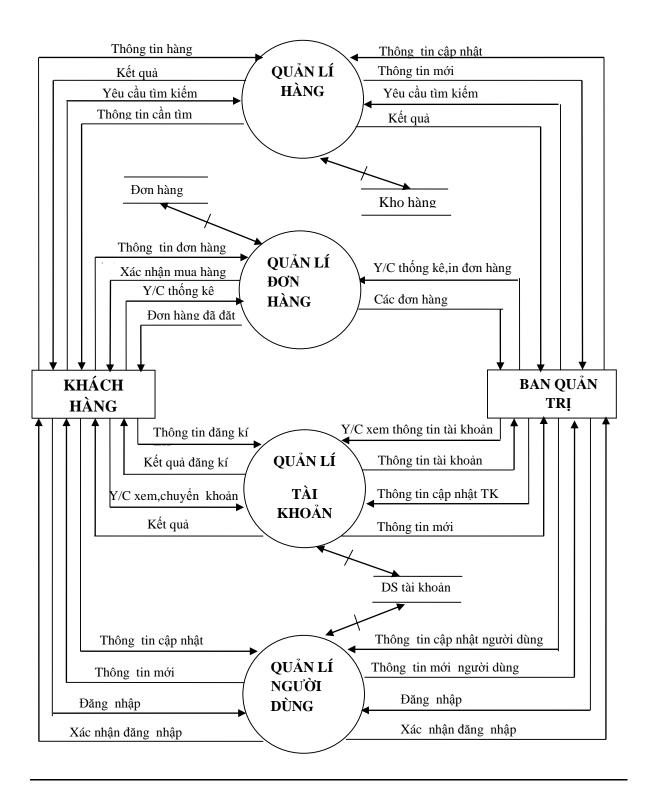
# 2) Biểu đồ phân cấp chức năng



# 3) Biểu đồ luồng dữ liệu mức bối cảnh

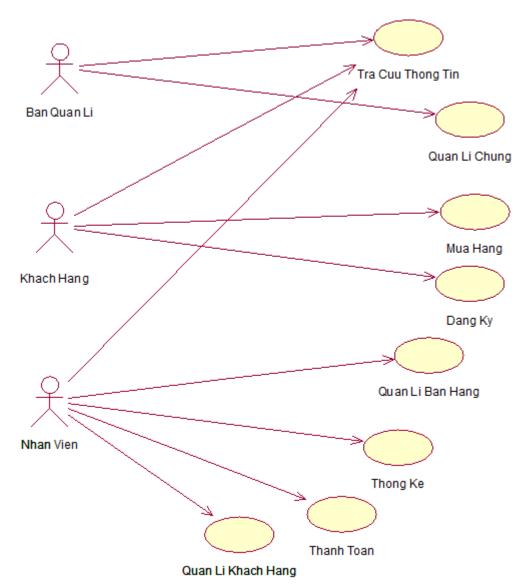


### 4) Biểu đồ luồng dữ liệu ở mức đỉnh

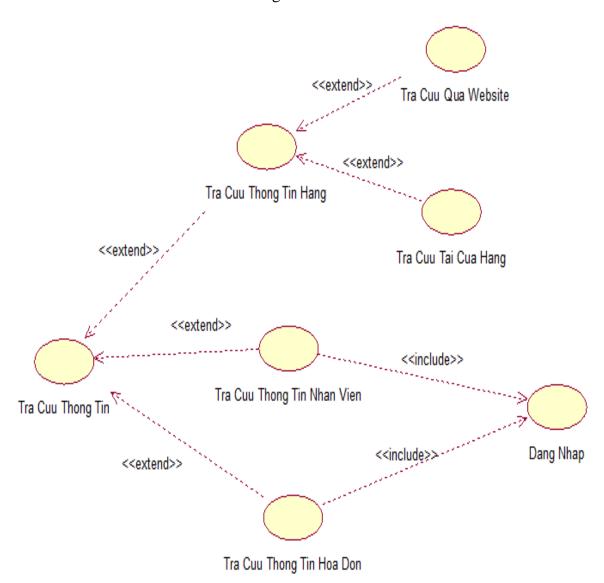


# 5) Biểu đồ Usecase

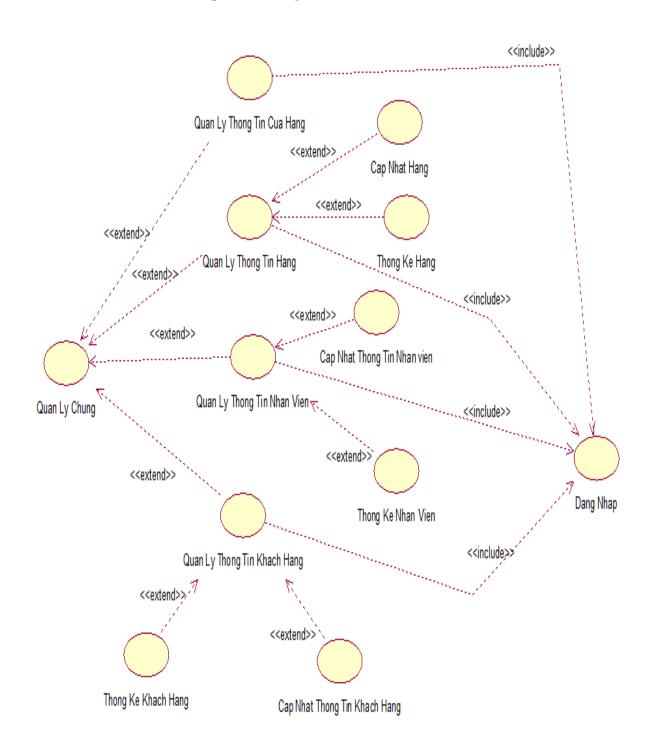
❖ Biểu đồ Usecase chính



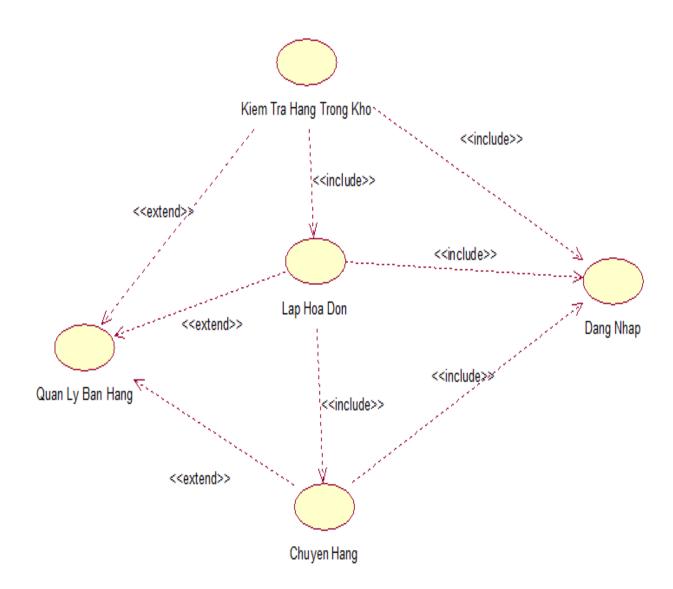
# ❖ Biểu đồ Usecase tra cứu thông tin



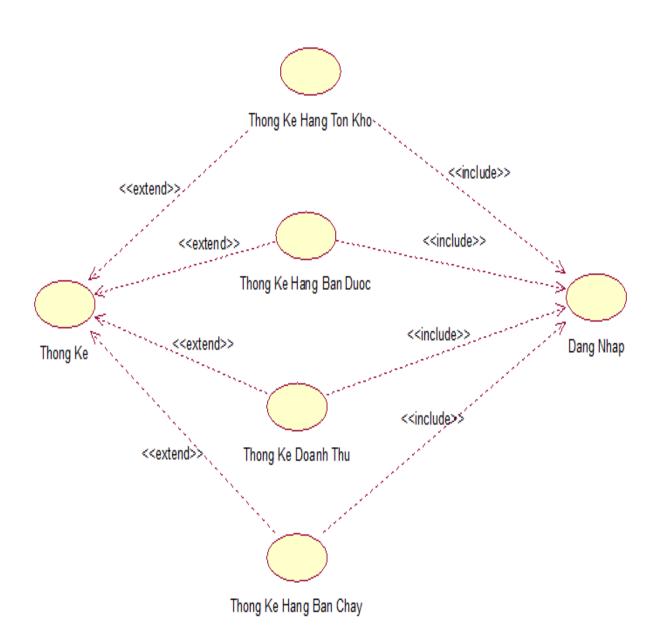
# ❖ Biểu đồ Usecase quản lí chung



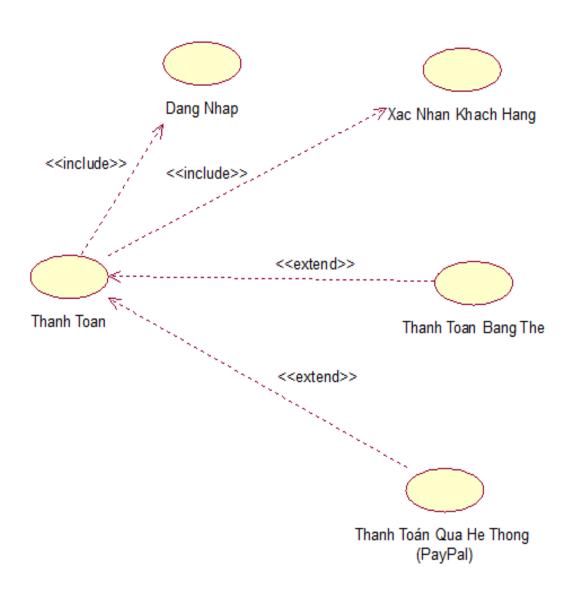
# ❖ Biểu đồ Usecase Bán hàng



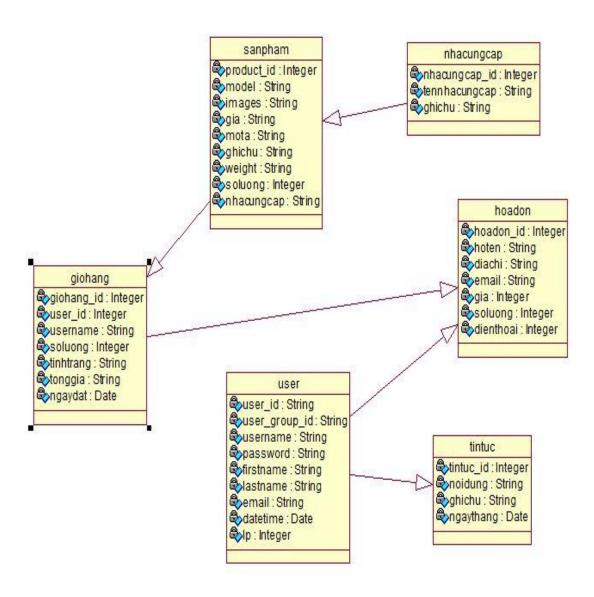
# ❖ Biểu đồ Usecase Thống kê − Báo cáo



# ❖ Biểu đồ Usecase Thanh toán

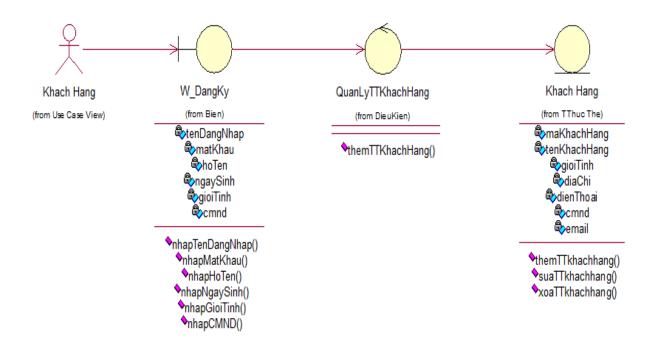


### 6) Biểu đồ lớp lĩnh vực

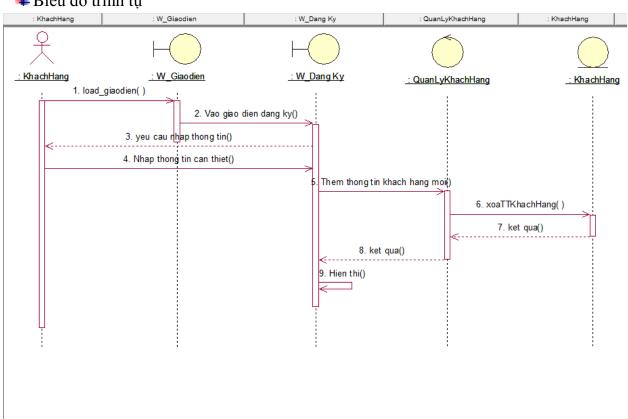


- 7) Đặc tả Use-case, biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng và biểu đồ trình tự
  - A. Use-case đăng ký.
    - ♣ Đặc tả Use-case
      - ✓ Mô tả tóm tắt
        - Tên ca sử dụng: Đăng kí
        - Mục đích: Giúp khách hàng đăng kí tài khoản trên trang web.
        - Tóm lược: Khách hàng có nhu cầu mua các mặt hàng có trên webside.
        - Đối tác: Khách hàng.
      - ✓ Mô tả các kich bản.
        - Tiền điều kiện: Không có.
        - Kich bản chính:
  - 1. Load form giao diện chính.
  - 2. Khách hàng chọn chức năng "Đăng kí tài khoản"
  - 3. Hệ thống hiển thị các thông tin yêu cầu để đăng ký: tên đăng nhập, mật khẩu, email,... các thông tin cá nhân liên quan khác.
  - 4. Khách hàng cung cấp các thông tin và tạo tài khoản
  - 5. Hệ thống xác nhận thông tin và tạo tài khoản cho khách hang
  - 6. Lấy thông tin khách hang
  - 7. Hệ thống trả về kết quả
  - 8. Hiện thị
  - Các kịch bản khả dĩ khác
    - R1. Khách hàng cung cấp các thông tin yêu cầu không đúng, tên đăng nhập,email mật khẩu không hợp lệ hay đã tồn tài. Người dùng cần cung cấp lại thông tin hoặc ca sử dụng kết thúc.
    - R2. Hệ thống không thể tạo được tài khoản. Cần thông báo với khách hàng là chức năng chưa sẵn sàng hoạt động ở thời điểm hiện tại.

# ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



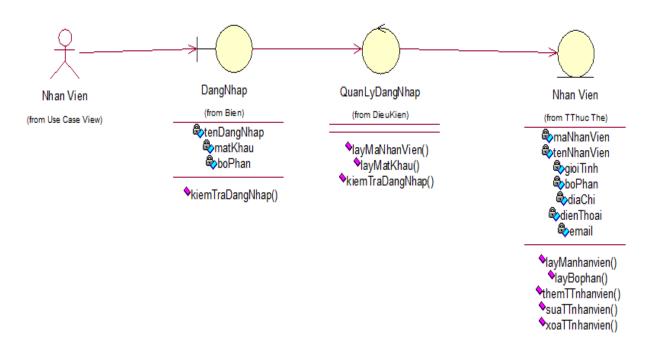
### ♣ Biểu đồ trình tự



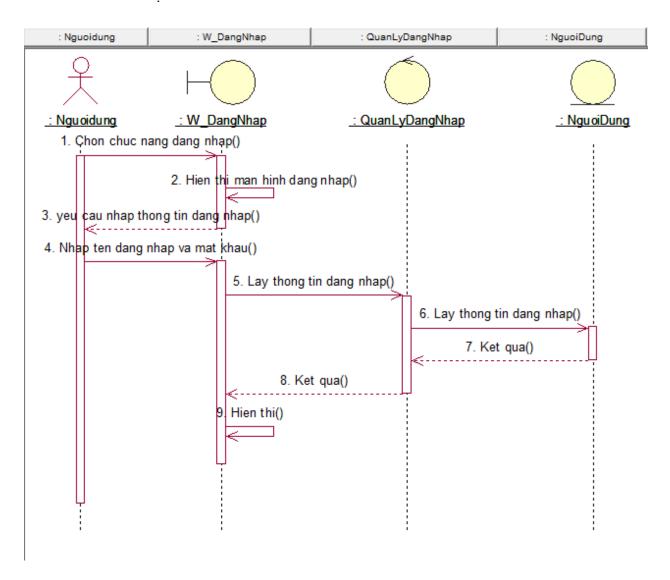
#### B. Use-case đăng nhập

- ♣ Đặc tả use-case
  - ✓ Mô tả tóm tắt
    - Tên ca sử dụng: Đăng nhập
    - Mục đích: giúp người dùng đăng nhập vào hệ thống
    - Tóm lược: Người dùng muốn đăng nhập vào hệ thống cần điền đúng đầy đủ tên đăng nhập và mật khẩu
  - ✓ Mô tả kich bản
    - Tiền điều kiện: không có
    - Kich bản chính:
    - 1. Người dùng chọn đăng nhập vào hệ thống
    - 2. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập
    - 3. Hệ thống yêu cầu người dung nhập tên đăng nhập và mật khẩu
    - 4. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu
    - 5. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập
    - 6. Hệ thống lấy thong tin đăng nhập
    - 7. Trả về kết quả đăng nhập
    - 8. Hệ thống thông báo đăng nhập thành công (R1)
  - ✓ Các kịch bản khả dĩ khác
    - R1. Hệ thống thông báo tên đăng nhập và mật khẩu không hợp lệ, người dùng phải nhập lại hoặc ca sử dụng kết thúc.

# ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



# ♣ Biểu đồ trình tự

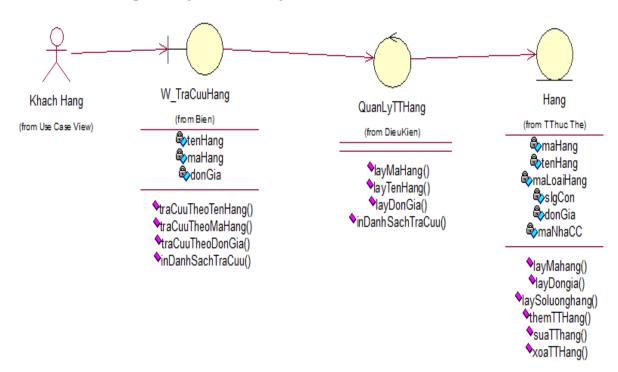


- C. Use-case tra cứu thông tin khách hàng
  - ♣ Đặc tả ca sử dụng
  - ✓ Mô tả tóm tắt
    - o Tên UC: Tra cứu thông tin hàng
    - Mục đích: Giúp người sử dụng tra cứu các thông tin cần thiết liên quan đến cửa hàng.
    - Tóm lược: Người sử dụng lựa chọn thông tin cần tra cứu gồm: thông tin cửa hàng, thông tin hàng, thông tin nhân viên hay thông tin hóa đơn.
      Tiến hành tìm kiếm và tra cứu thông tin, có thêm in thông tin tìm kiếm hay thoát ra.
  - ✓ Đối tác: Khách hàng.
    - Mô tả các kich bản
    - Tiền điều kiền: Không có
    - Kịch bản chính:
    - 1. Khách chọn chức năng tra cứu thông tin
    - 2. Hệ thống hiện thị danh mục các thông tin có thể tra cứu
    - 3. Khách hàng lựa chọn tra cứu thông tin hàng
    - 4. Hệ thống hiển thị các thông tin yêu cầu để tra cứu
    - 5. Người sử dụng lựa chọn thông tin cần tra cứu
      - o A1. Tra cứu thông tin hàng theo mã hàng
      - o A2. Tra cứu thông tin hàng theo tên hàng
      - A3. Tra cứu thông tin hàng theo giá của sản phẩm.
    - 6. Hệ thống hiển thị thông tin người dùng yêu cầu
    - 7. Khách hàng tra cứu thông tin và lựa chọn hành động
      - A4. Chọn thao tác in bảng thông tin tra cứu
      - o A5. Chọn thao tác thoát khỏi chức năng tìm kiếm
    - 8. Người dùng kết thúc ca sử dụng
    - Các kịch bản con

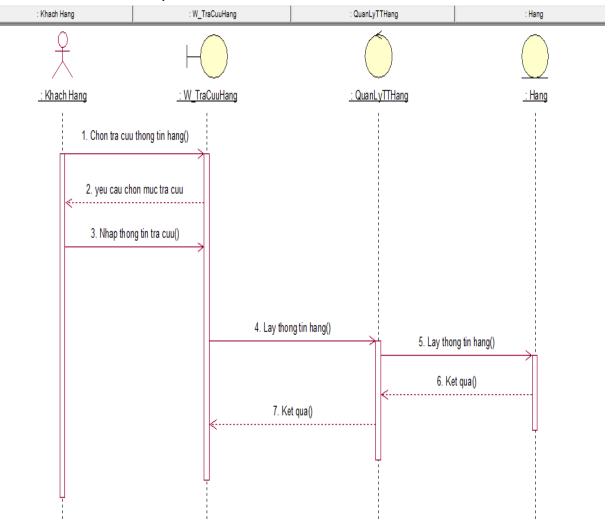
- 1. A1. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin hàng theo mã hàng : Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu khách hàng lựa chọn tra cứu thông tin. Khách hàng lựa chọn và nhập mã hàng( R-1). Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu các mặt hàng có mã hàng như yêu cầu của khách hàng. Ca sử dụng tiếp tục.
- 2. A2. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin hàng theo tên hàng : Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin theo tên hàng. Người dùng nhập tên hàng cần tra cứu và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm của mặt hàng có tên hàng như yêu cầu của khách hàng. Ca sử dụng tiếp tục.
- 3. A3. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin hàng theo giá của sản phẩm: Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin theo giá của các mặt hàng. Người dùng nhập tên hàng cần tra cứu và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm của mặt hàng có giá như yêu cầu của khách hàng đưa ra. Ca sử dụng tiếp tục.
- 4. A4. Khách hàng lựa chọn thao tác in danh sách thông tin tra cứu được : Hệ thống in danh sách kết quả thông tin tra cứu. Ca sử dụng bắt đầu lại.
- 5. A5. Khách hàng lựa chọn thao tác thoát khỏi chức năng thoát tra cứu thông tin: Khách hàng lựa chọn và xác nhận yêu cầu. Hệ thống thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin hàng và kết thúc ca sử dụng.

- Các kịch bản khả dĩ khác
- 1. R1. Mã hàng do người dùng nhập vào không hợp lệ. Khách hàng phải nhập lại mã hàng tra cứu hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- 2. R2. Tên hàng do khách hàng đưa vào không đúng đắn. Khách hàng phải nhập lãi tên hàng tra cứu hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- 3. R3. Giá hàng đưa vào không đúng. Khách hàng phải nhập lại giá của mặt hàng cần tra cứu hoặc kết thúc ca sử dụng.
- 4. R4. Kết quả tra cứu không in được. Thông báo cho người dùng là chức năng không sẵn sàng ở thời điểm hiện tại. Ca sử dụng bắt đầu lại.

#### ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



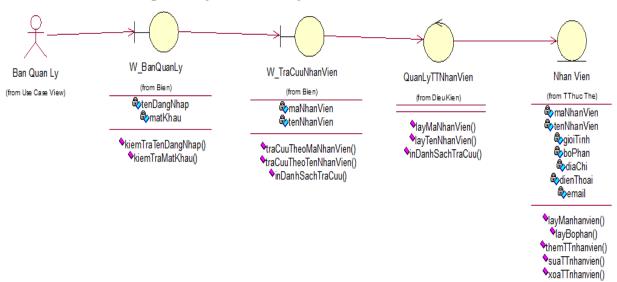
# ♣ Biểu đồ trình tự



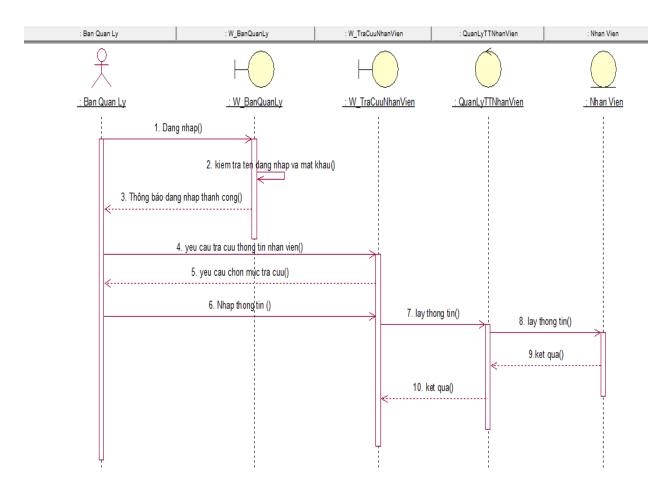
- D. Use-casr tra cứu thông tin nhân viên
  - ♣ Đặc tả ca sử dụng
  - ➤ Mô tả tóm tắt
    - o Tên UC: Tra cứu thông tin nhân viên
    - Mục đích: Giúp người sử dụng tra cứu các thông tin liên quan của các nhân viên làm việc trong cửa hàng.
    - Tóm lược: Người sử dụng nhập thông tin liên quan yêu cầu tra cứu, xác nhận và tiến hàng tra cứu nhân viên. Có thể in danh sách tra cứu hay thoát khỏi ca sử dụng
  - Dối tác: Ban quản lí
    - Mô tả các kịch bản
      - Tiền điều kiện: Cần phải đăng nhập thành công vào hệ thống
      - Kịch bản chính:
        - 1. Người dùng chọn chức năng tra cứu thông tin
        - 2. Hệ thống hiện thị danh mục các thông tin có thể tra cứu
        - 3. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin nhân viên
        - 4. Hệ thống hiển thị các thông tin yêu cầu để tra cứu
        - 5. Người sử dụng lựa chọn thông tin cần tra cứu
          - A1. Tra cứu thông tin hàng theo mã nhân viên
          - A2. Tra cứu thông tin hàng theo tên nhân viên
      - Hệ thống hiển thị thông tin người dùng yêu cầu
      - 7. Người dùng tra cứu thông tin và lựa chọn hành động
        - A4. Chọn thao tác in bảng thông tin tra cứu
        - A5. Chọn thao tác thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin
      - 8. Người dùng kết thúc ca sử dụng

- Kịch bản con
- 1. A1. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin nhân viên theo mã nhân viên: Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin nhân viên theo mã nhân viên. Người dùng nhập mã nhân viên và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu thông tin nhân viên có mã nhân viên như yêu cầu của người sử dụng. Ca sử dụng tiếp tục.
- 2. A2. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin nhân viên theo tên nhân viên. : Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin nhân viên theo tên nhân viên. Người dùng nhập tên nhân viên và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu thông tin nhân viên có tên nhân viên như yêu cầu của người sử dụng. Ca sử dụng tiếp tục.
- 3. A3. Người dùng lựa chọn thao tác in danh sách thông tin tra cứu được : Hệ thống in danh sách kết quả thông tin tra cứu. Ca sử dụng bắt đầu lại.
- 4. A4. Người dùng lựa chọn thao tác thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin nhân viên: Khách hàng lựa chọn và xác nhận yêu cầu. Hệ thống thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin nhân viên và kết thúc ca sử dụng.
- Các kịch bản khả dĩ khác
- 1. R1. Người dùng đăng nhập không thành công. Người dùng phải đăng nhập lại hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- R1. Mã nhân viên do người dùng nhập vào không hợp lệ. Phải nhập lại mã nhân viên cần tra cứu hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- 3. R2. Tên nhân viên do người dùng đưa vào không đúng đắn. Người dùng phải nhập lại tên nhân viên tra cứu hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- 4. R3. Kết quả tra cứu không in được. Thông báo cho khách hàng là chức năng không sẵn sàng ở thời điểm hiện tại. Ca sử dụng bắt đầu lại.

# ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



### ♣ Biểu đồ trình tự



#### E. Use-case tra cứu thông tin hóa đơn

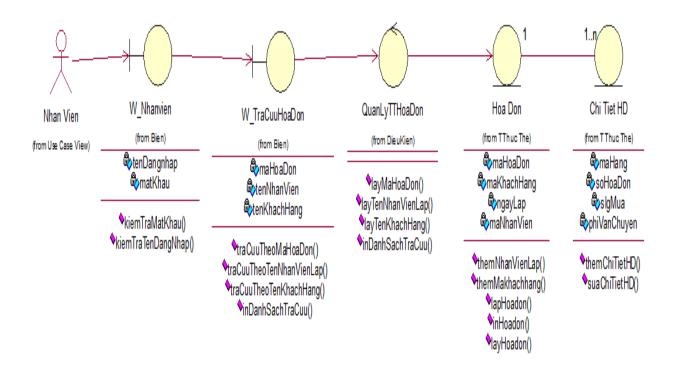
- Đặc tả ca sử dụng
- ➤ Mô tả tóm tắt
  - o Tên UC: Tra cứu thông tin hóa đơn
  - Mục đích: Giúp người sử dụng tra cứu các thông tin liên quan của các hóa đơn đã được lập tại cửa hàng.
  - Tóm lược: Người sử dụng nhập thông tin liên quan yêu cầu tra cứu, xác nhận và tiến hành tra cứu thông tin hóa đơn. Có thể in danh sách tra cứu hay thoát khỏi ca sử dụng.
- ➤ Đối tác: Nhân viên
  - Mô tả các kịch bản
  - O Tiền điều kiện: Nhân viên cần phải đăng nhập thành công vào hệ thống.
  - Kịch bản chính:
    - 1. Người dùng chọn chức năng tra cứu thông tin
    - 2. Hệ thống hiện thị danh mục các thông tin có thể tra cứu
    - 3. Người dùng lựa chọn tra cứu thông tin hóa đơn
    - 4. Hệ thống hiển thị các thông tin yêu cầu để tra cứu
    - 5. Người sử dụng lựa chọn thông tin cần tra cứu
      - A1. Tra cứu thông tin hóa đơn theo số hóa đơn
      - A2. Tra cứu thông tin hóa đơn theo tên nhân viên lập
      - A3. Tra cứu thông tin hóa đơn theo tên khách hàng
    - 6. Hệ thống hiển thị thông tin người dùng yêu cầu
    - 7. Người dùng tra cứu thông tin và lựa chọn hành động
      - A4. Chọn thao tác in bảng thông tin tra cứu
      - A5. Chọn thao tác thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin
    - 8. Người dùng kết thúc ca sử dụng

#### Kịch bản con

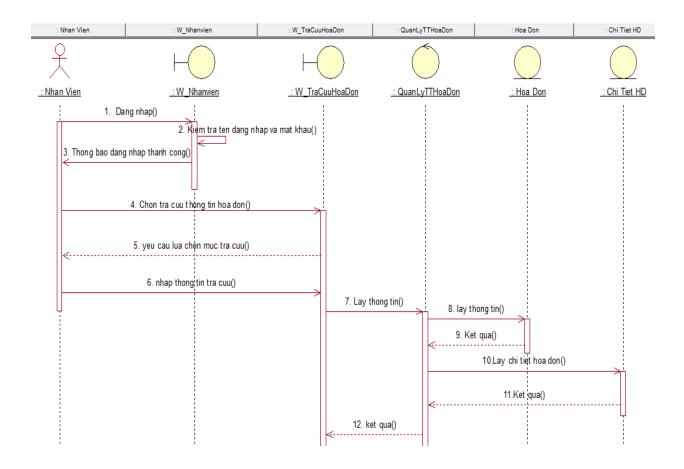
- A1. Nhân viên lựa chọn tra cứu thông tin hóa đơn theo số hóa đơn: Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin hóa đơn theo số hóa đơn. Nhân viên nhập số hóa đơn và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu thông tin hóa đơn có số hóa đơn như yêu cầu. Ca sử dụng tiếp tục.
- A2. Nhân viên lựa chọn tra cứu thông tin hóa đơn theo tên nhân viên lập : Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin hóa đơn theo tên nhân viên lập. Người dùng nhập tên nhân viên lập hóa đơn và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu thông tin hóa đơn có tên nhân viên lập như yêu cầu . Ca sử dụng tiếp tục.
- A3. Nhân viên lựa chọn tra cứu thông tin hóa đơn theo tên khách hàng: Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu thông tin hóa đơn theo tên khách hàng. Nhân viên nhập tên khách hàng và xác nhận. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu thông tin hóa đơn có tên khách hàng như yêu cầu. Ca sử dụng tiếp tục.
- A4. Nhân viên lựa chọn thao tác in danh sách thông tin tra cứu được :
   Hệ thống in bảng kết quả thông tin tra cứu. Ca sử dụng bắt đầu lại.
- A5. Nhân viên lựa chọn thao tác thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin hóa đơn: Nhân viên lựa chọn và xác nhận yêu cầu. Hệ thống thoát khỏi chức năng tra cứu thông tin hóa đơn và kết thúc ca sử dụng.
- Các kịch bản khả dĩ khác
- R1. Nhân viên đăng nhập không thành công. Nhân viên phải đăng nhập lại hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- R2. Số hóa đơn do nhân viên đưa vào không hợp lệ. Phải nhập lại số hóa đơn cần tra cứu hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.
- R3. Tên nhân viên lập hóa đơn do nhân viên đưa vào không đúng đắn. Nhân viên phải nhập lại tên nhân viên lập hóa đơn để tra cứu hoặc ca sử dụng sẽ kết thúc.

R4. Kết quả tra cứu không in được. Thông báo cho nhân viên là chức năng không sẵn sàng ở thời điểm hiện tại. Ca sử dụng bắt đầu lại.

#### ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



# ♣ Biểu đồ trình tự



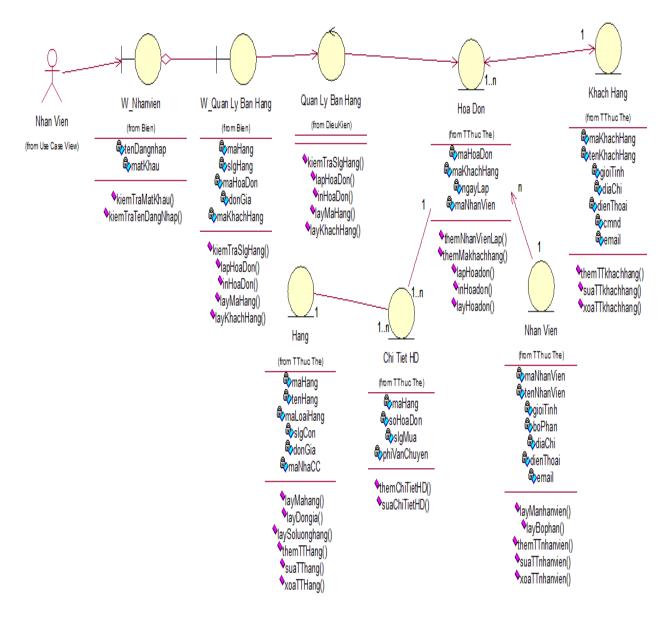
#### F. Use-case quản lí bán hàng

- Đặc tả ca sử dụng
- ✓ Mô tả tóm tắt
  - o Tên ca sử dụng: Quản lý bán hàng
  - o Mục đích: Giúp nhân viên quản lý việc bán hàng
  - Tóm lược: Khi khách hàng vào cửa hàng mua hàng, nhân viên sẽ đăng nhập vào hệ thống kiểm tra hàng trong kho và lập hóa đơn bán hàng.

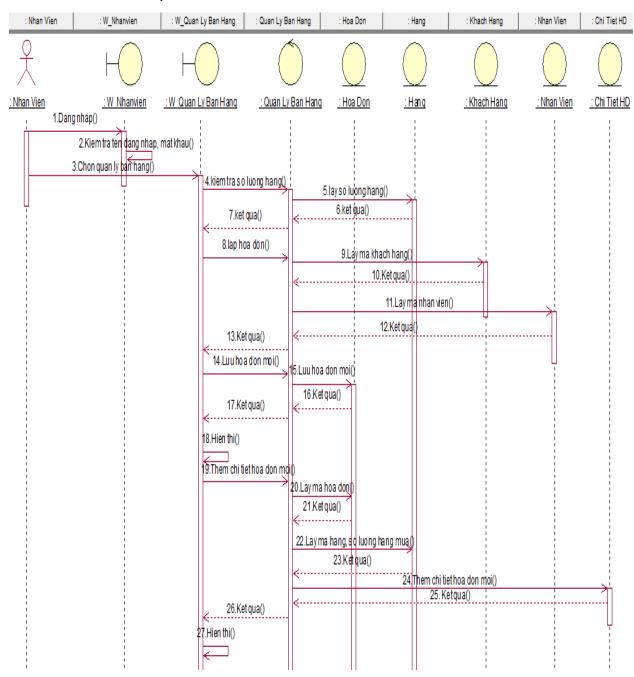
#### ✓ Mô tả kich bản

- o Tiền điều kiện: Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống
- o Kịch bản chính:
  - Nhân viên đăng nhập vào hệ thống
  - Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu
  - Hệ thống thông báo đăng nhập thành công(R1)
  - Nhân viên chọn mục quản lý bán hàng
  - Hệ thống hiển thị màn hình quản lý bán hàng
  - Nhân viên kiểm tra số lượng hàng trong kho của mặt hàng khách hàng yêu cầu
  - Hệ thống thông báo số lượng hàng còn đủ đáp ứng(R2)
  - Nhân viên lập hóa đơn
  - Hệ thống hiển thị hóa đơn. Ca sử dụng kết thúc
- o Các kịch bản con
- A1. Lập hóa đơn: Hệ thống yêu cầu nhân viên điền đầy đủ thông tin khách hàng cần thiết, mặt hàng và số lượng hàng bán, đơn giá để tính tiền.Nhân viên lập báo cáo, hệ thống hiển thị báo cáo. Ca sử dụng kết thúc.

- ✓ Các kịch bản khả dĩ khác
  - R1. Tên đăng nhập và mật khẩu người dùng đưa vào không đúng, người dùng đăng nhập lại hoặc ca sử dụng kết thúc.
  - R2. Số lượng hàng trong kho không đủ yêu cầu khách hàng. Ca sử dụng kết thúc
- ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



## ♣ Biểu đồ trình tự



#### G. Use-case thanh toán

- Đặc tả ca sử dụng
- ✓ Mô tả tóm tắt
  - o Tên ca sử dụng: Thanh toán
  - o Mục đích: giúp nhân viên thu tiền thanh toán của khách hàng
  - Tóm lược: Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, chọn mục thanh toán,
     chọn hóa đơn khách hàng thanh toán.

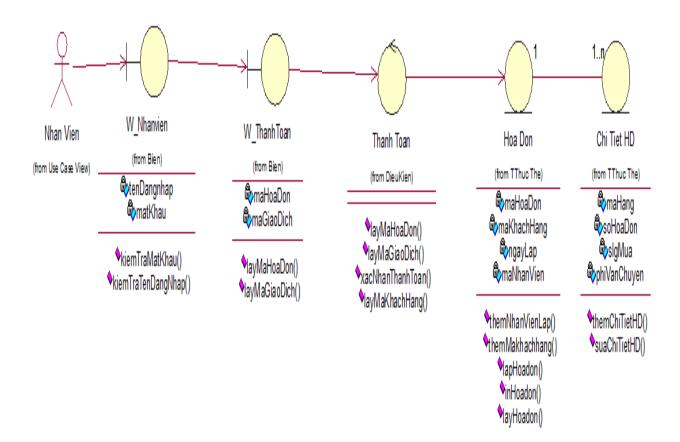
#### ✓ Mô tả kịch bản

- o Tiền điều kiện: Người dùng đăng nhập vào hệ thống
- Kich bản chính:
  - Nhân viên đăng nhập vào hệ thống
  - Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu
  - Hệ thống thông báo đăng nhập thành công(R1)
  - Nhân viên chọn mục thanh toán
  - Hệ thống hiển thị màn hình chức năng thanh toán
  - Nhân viên chọn hóa đơn cần thanh toán(R2)
  - Hệ thống xử lý yêu cầu, xác nhận việc thanh toán. Ca sử dụng kết thúc.

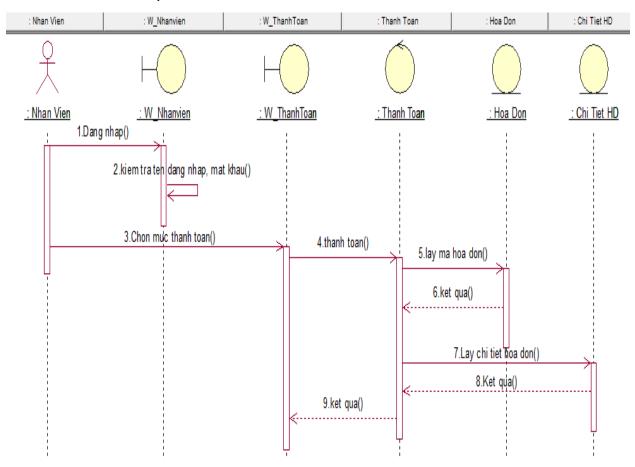
## Các kịch bản khả dĩ khác

- R1. Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng, người dùng nhập lại tên đăng nhập và mật khẩu hoặc ca sử dụng kết thúc.
- R2. Hóa đơn thanh toán không có trong hệ thống, yêu cầu kiểm tra lại. Ca sử dụng bắt đầu lại.

# ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



# ♣ Biểu đồ trình tự



#### H. Use-case quản lí thông tin hàng

- ♣ Đặc tả ca sử dụng
- ✓ Mô tả tóm tắt
  - o Tên ca sử dụng: Quản lý thông tin hàng
  - Mục đích: Giúp ban quán lý quản lý chi tiết về thông tin các mặt hàng của cửa hàng.
  - Tóm lược: Ban quản lý chọn danh mục hàng cần quản lý, sau đó tùy chọn thao tác thêm, sửa, xóa, in thông tin của mặt hàng ở danh mục đó.
  - Đối tác: Ban quán lý(chính)

#### ✓ Mô tả kịch bản

- Điều kiện đầu vào: Ca sử dụng này chỉ có thể thực hiện được khi nhà quản lý đã chọn được mặt hàng cần quản lý.
- Kịch bản chính: Ca sử dụng bắt đầu khi ban quản lý đăng nhập hệ thống quản lý thông tin hàng, nhập tên đăng nhập và mật khẩu của mình. Hệ thống kiểm tra thấy mật khẩu là đúng đắn(R-1), nhắc ban quản lý chọn mặt hàng cần quản lý. Hệ thống nhắc ban quản lý chọn thao tác quản lý: THÊM, SỬA, XÓA, IN, THOÁT:
  - Nếu THÊM được chọn thì kịch bản con
    - C-1: Thêm thông tin của mặt hàng được thực hiện.
  - Nếu SỦA được chọn thì kịch bản con
    - C-2: SỦA thông tin của mặt hàng được thực hiện.
  - Nếu XÓA được chọn thì kịch bản con
    - C-3: XÓA thông tin của mặt hàng được thực hiện.
  - Nếu IN được chọn thì kịch bản con
    - C-4: IN thông tin của mặt hàng được thực hiện.
  - Nếu THOÁT được chọn thì ca sử dụng kết thúc.

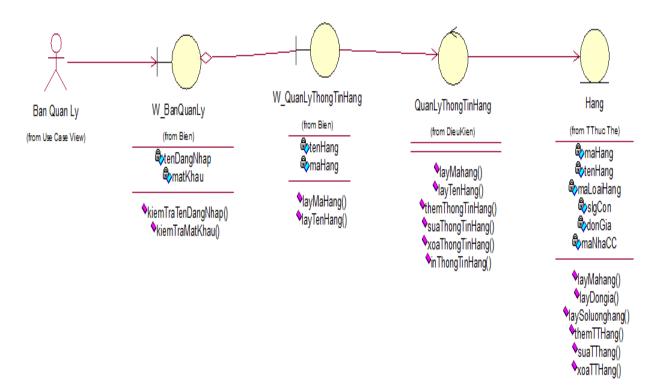
#### Các kịch bản con

- C-1: Thêm thông tin mặt hàng: Hệ thống hiển thị màn hình danh mục các mặt hàng, trên giao diện có các trường: tên mặt hàng, mã mặt hàng, số lượng, thông tin chi tiết mặt hàng, đơn giá, xuất sứ. Ban quản lý nhập thông tin cho các trường trên màn hình(R-2). Hệ thống hiển thị thông tin của mặt hàng vừa nhập(R-3) và thông báo thành công. Ca sử dụng bắt đầu lại.
- C-2: Sửa thông tin mặt hàng: Hệ thống hiển thị màn hình danh mục các mặt hàng, trên màn hình có một trường cho tên mặt hàng và một trường cho mã mặt hàng. Ban quản lý chọn mã mặt hàng và tên mặt hàng cần sửa. Hệ thống hiển thị thông tin về mặt hàng vừa chọn. Ban quản lý sửa các trường của mặt hàng cẩn thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin mặt hàng vào danh mục hàng(R-2). Ca sử dụng bắt đầu lai.
- C-3: Xóa thông tin mặt hàng: Hệ thống hiển thị danh mục các mặt hàng, trên màn hình có một trường cho tên mặt hàng và một trường cho mã mặt hàng. Ban quản lý chọn mã mặt hàng và tên mặt hàng cần xóa. Hệ thống hiển thị thông tin mặt hàng vừa chọn và hỏi có chắc chắn muốn xóa(R-4). Ban quản lý chấp nhận xóa mặt hàng. Hệ thống xóa mặt hàng và cập nhập lại danh mục các mặt hàng. Ca sử dụng bắt đầu lại.
- C-4: In thông tin mặt hàng: Hệ thống hiển thị danh mục các mặt hàng, trên màn hình có một trường cho tên mặt hang và một trường cho mã mặt hàng. Ban quản lý chọn mã mặt hàng và tên mặt hàng cần in. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin mặt hàng đã được chọn và in thông tin mặt hàng đó. Ca sử dụng bắt đầu lại từ đầu.

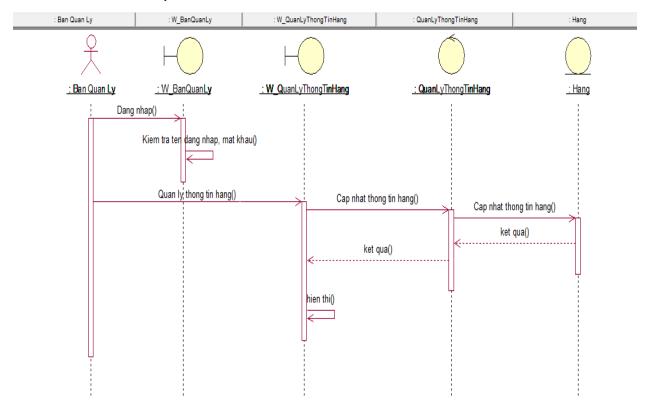
#### ✓ Các kịch bản khả dĩ khác

- R-1: Tên đăng nhập và mật khẩu do ban quản lý đưa vào là không đúng đắn. Người dung phải nhập lại tên đăng nhập và mật khẩu hoặc kết thúc ca sử dụng
- R-2: Thông tin nhập vào không đúng với định dạng mặc định sẵn. Người dùng cần nhập lại hoặc thoát khỏi ca sử dụng.
- R-3: Mã mặt hàng hoặc tên mặt hàng trùng với mặt hàng đã có sẵn trong danh mục. Người dung cần nhập lại hoặc thoát khỏi ca sử dụng.
- o R-4: Người sử dụng không muốn xóa, hệ thống quay trở lại ca sử dụng.

# ♣ Biều đồ lớp tham gia ca sử dụng



## ♣ Biểu đồ trình tự



#### I. Quản lí thông tin nhân viên

- ♣ Đặc tả ca sử dụng
- ✓ Mô tả tóm tắt
- o Tên ca sử dụng: Quản lý thông tin nhân viên
- Mục đích: Giúp ban quán lý quản lý chi tiết thông tin về nhân viên của cửa hàng.
- Tóm lược: Ban quản lý chọn nhân viên cần quản lý, sau đó tùy chọn thao tác thêm, sửa, xóa, in thông tin của nhân viên đó.
- Đối tác: Ban quán lý(chính)

- ✓ Mô tả kịch bản
- Điều kiện đầu vào: Ca sử dụng này chỉ có thể thực hiên được khi ban quản lý đã chọn được nhân viên cần quản lý thông tin.
- Kịch bản chính: Ca sử dụng bắt đầu khi ban quản lý đăng nhập hệ thống quản lý thông tin hàng, nhập tên đăng nhập và mật khẩu của mình. Hệ thống kiểm tra thấy mật khẩu là đúng đắn(R-1), nhắc ban quản lý chọn nhân viên cần quản lý. Hệ thống nhắc ban quản lý chọn thao tác quản lý: THÊM, SỬA, XÓA, IN, THOÁT.
  - Nếu THÊM được chọn thì kịch bản con
    - C-1: Thêm thông tin nhân viên được thực hiện.
  - Nếu SỦA được chon thì kich bản con
    - C-2: SỦA thông tin của nhân viên được thực hiện.
  - Nếu XÓA được chọn thì kịch bản con
    - C-3: XÓA thông tin của nhân viên được thực hiện.
  - Nếu IN được chọn thì kịch bản con
    - C-4: IN thông tin của nhân viên được thực hiện.
  - Nếu THOÁT được chọn thì ca sử dụng kết thúc.

#### Các kich bản con

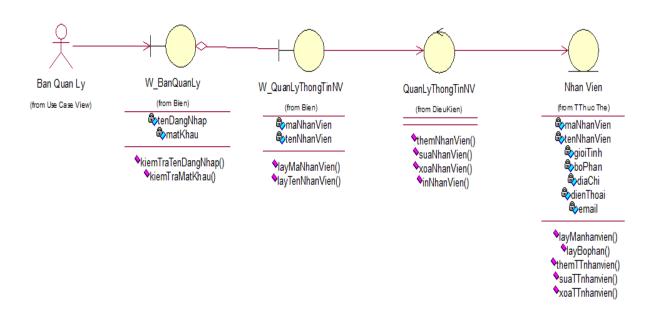
C-1: Thêm thông tin nhân viên: Hệ thống hiển thị màn hình danh mục thông tin các nhân viên, trên giao diện có các trường: mã nhân viên, tên nhân viên, hình ảnh, số CMND, giới tính, ngày sinh, bộ phận, quê quán, địa chỉ trường trú, số điện thoại, email, dân tộc, quốc tịch. Ban quản lý nhập thông tin cho các trường trên màn hình(R-2). Hệ thống hiển thị thông tin của nhân viên vừa nhập(R-3) và thông báo thành công. Ca sử dụng bắt đầu lại.

- C-2: Sửa thông tin nhân viên: Hệ thống hiển thị màn hình danh mục thông tin các nhân viên, trên màn hình có một trường cho tên nhân viên và một trường cho mã nhân viên. Ban quản lý chọn mã nhân viên và tên nhân viên cần sửa. Hệ thống hiển thị thông tin về mặt nhân viên vừa chọn. Ban quản lý sửa các trường của mặt hàng cẩn thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin mặt hàng vào danh sách thông tin nhân viên(R-2). Ca sử dụng bắt đầu lại.
- C-3: Xóa thông tin nhân viên: Hệ thống hiển thị danh sách thông tin các nhân viên, trên màn hình có một trường cho tên nhân viên và một trường cho mã nhân viên. Ban quản lý chọn mã mặt nhân viên và tên nhân viên cần xóa. Hệ thống hiển thị thông tin của nhân viên vừa chọn và hỏi có chắc chắn muốn xóa(R-4). Ban quản lý chấp nhận xóa thông tin nhân viên đó. Hệ thống xóa thông tin nhân viên và cập nhập lại danh sách nhân viên. Ca sử dụng bắt đầu lại.
- C-4: In thông tin nhân viên: Hệ thống hiển thị danh sách thông tin các nhân viên, trên màn hình có một trường cho tên mặt nhân viên và một trường cho mã nhân viên. Ban quản lý chọn mã nhân viên và tên nhân viên cần in thông tin. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin nhân viên đã được chọn và in thông tin thông tin của nhân viên đó. Ca sử dụng bắt đầu lại từ đầu.

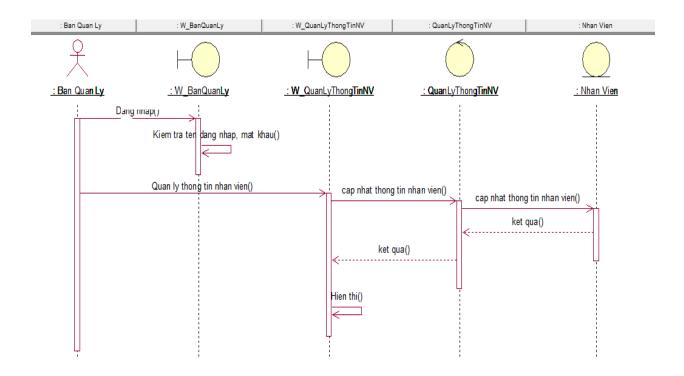
#### ✓ Các kịch bản khả dĩ khác

- R-1: Tên đăng nhập và mật khẩu do ban quản lý đưa vào là không đúng đắn. Người dung phải nhập lại tên đăng nhập và mật khẩu hoặc kết thúc ca sử dụng.
- R-2: Thông tin nhập vào không đúng với định dạng mặc định sẵn. Người dùng cần nhập lại hoặc thoát khỏi ca sử dụng.
- R-3: Mã nhân viên trùng đã tồn tại trong danh sách nhân viên. Người dung cần nhập lại hoặc thoát khỏi ca sử dụng.
- o R-4: Người sử dụng không muốn xóa, hệ thống quay trở lại ca sử dụng.

# ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



## ♣ Biểu đồ trình tự



#### J. Use-case quản lí thông tin khách hàng

- Đặc tả ca sử dụng
- ✓ Mô tả tóm tắt
  - o Tên ca sử dụng: Quản lý thông tin khách hàng
  - Mục đích: Giúp nhà quán lý quản lý thông tin về chi tiết khách hàng hàng của cửa hàng.
  - Tóm lược: Nhà quản lý chọn khách hàng cần quản lý thông tin, sau đó tùy chọn thao tác thêm, sửa, xóa, in thông tin của khách hàng đó.
  - Đối tác: Nhà quán lý(chính)

#### ✓ Mô tả kich bản

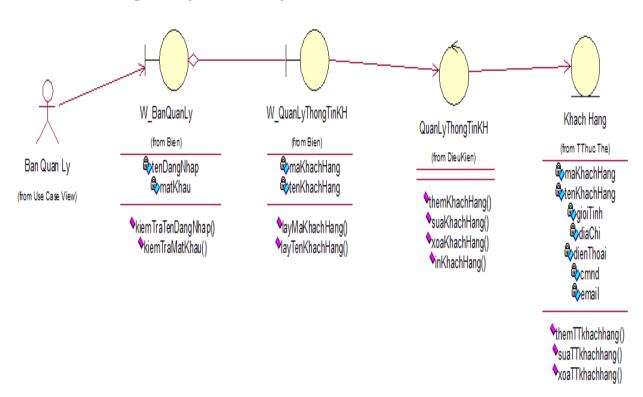
- Điều kiện đầu vào: Ca sử dụng này chỉ có thể thực hiên được khi ban quản lý đã chọn được khách hàng cần quản lý.
- Kịch bản chính: Ca sử dụng bắt đầu khi ban quản lý đăng nhập hệ thống quản lý thông tin hàng, nhập tên đăng nhập và mật khẩu của mình. Hệ thống kiểm tra thấy mật khẩu là đúng đắn(R-1), nhắc ban quản lý chọn khách hàng cần quản lý. Hệ thống nhắc ban quản lý chọn thao tác quản lý: THÊM, SỬA, XÓA, IN, THOÁT.
  - Nếu THÊM được chọn thì kịch bản con
    - C-1: Thêm thông tin của khách hàng được thực hiện.
  - Nếu SỦA được chọn thì kịch bản con
    - C-2: SỬA thông tin của khác hàng được thực hiện.
  - Nếu XÓA được chọn thì kịch bản con
    - C-3: XÓA thông tin của khách hàng được thực hiện.
  - Nếu IN được chọn thì kịch bản con
    - C-4: IN thông tin của khách hàng được thực hiện.
  - Nếu THOÁT được chọn thì ca sử dụng kết thúc.

- Các kịch bản con
  - *C-1: Thêm thông tin khách hàng hàng*: Hệ thống hiển thị màn hình danh mục các mặt hàng, trên giao diện có các trường: : mã khách hàng, tên khách hàng, số CMND, địa chỉ trường trú, số điện thoại, email. Ban quản lý nhập thông tin cho các trường trên màn hình(R-2). Hệ thống hiển thị thông tin của khách hàng vừa nhập trên danh sách(R-3) và thông báo thành công. Ca sử dụng bắt đầu lại.
  - *C-2: Sửa thông tin khách hàng*: Hệ thống hiển thị màn hình danh sách thông tin của khách hàng, trên màn hình có một trường cho tên khách hàng và một trường cho mã khách hàng. Ban quản lý chọn mã khách hàng và tên khách hàng cần sửa. Hệ thống hiển thị thông tin về khách hàng vừa chọn. Ban quản lý sửa các trường của thông tin khách hàng cẩn thay đổi. Hệ thống cập nhật và hiển thị thông tin khách hàng vào danh sách thông tin khách hàng(R-2). Ca sử dụng bắt đầu lai.
  - C-3: Xóa thông tin khách hàng: Hệ thống hiển thị danh mục sách thông tin khách hàng, trên màn hình có một trường cho tên khách hàng và một trường cho mã khách hàng. Ban quản lý chọn mã khách hàng và tên khách hàng cần xóa. Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng vừa chọn và hỏi có chắc chắn muốn xóa(R-4). Ban quản lý chấp nhận xóa thông tin khách hàng. Hệ thống xóa thông tin khách hàng và cập nhập lại danh sách thông tin khách hàng. Ca sử dụng bắt đầu lai.
  - *C-4: In thông tin khách hàng*: Hệ thống hiển thị danh sách thông tin khách hàng, trên màn hình có một trường cho tên khách hàng và một trường cho mã khách hàng. Ban quản lý chọn mã khách hàng và tên khách hàng cần in. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin khách hàng đã được chọn và in thông tin khách hàng đó. Ca sử dụng bắt đầu lai từ đầu.

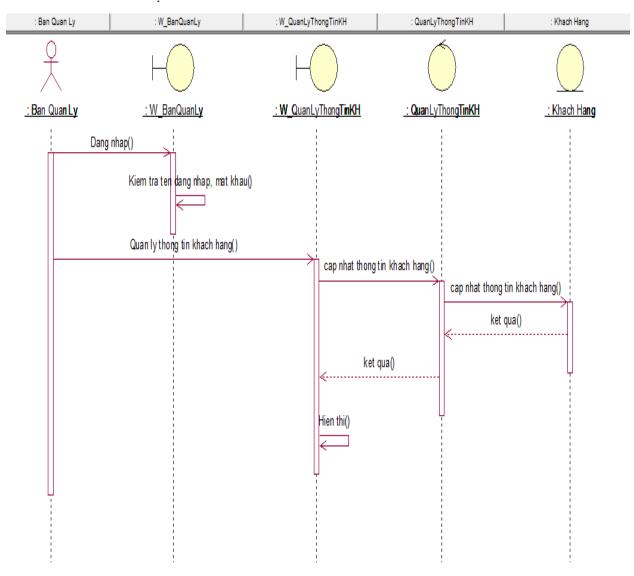
#### ✓ Các kịch bản khả dĩ khác

- R-1: Tên đăng nhập và mật khẩu do ban quản lý đưa vào là không đúng đắn. Người dung phải nhập lại tên đăng nhập và mật khẩu hoặc kết thúc ca sử dụng.
- R-2: Thông tin nhập vào không đúng với định dạng mặc định sẵn. Người dùng cần nhập lại hoặc thoát khỏi ca sử dụng.
- R-3: Mã mặt khách trùng với mã khách hàng đã có sẵn trong danh mục.
   Người dung cần nhập lại hoặc thoát khỏi ca sử dụng.
- o R-4: Người sử dụng không muốn xóa, hệ thống quay trở lại ca sử dụng.

## ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng

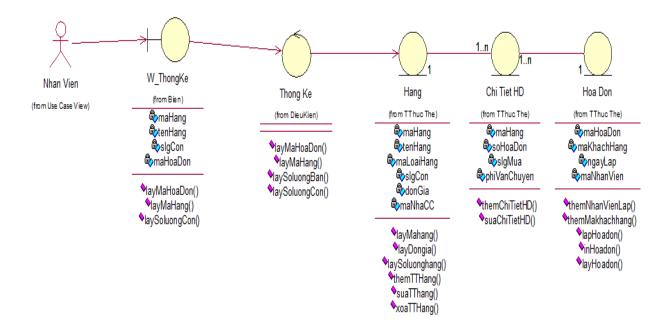


# ♣ Biểu đồ trình tự

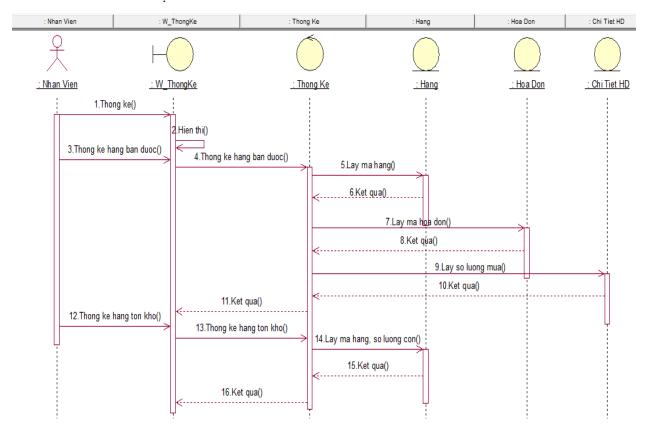


#### K. Use-case thống kê

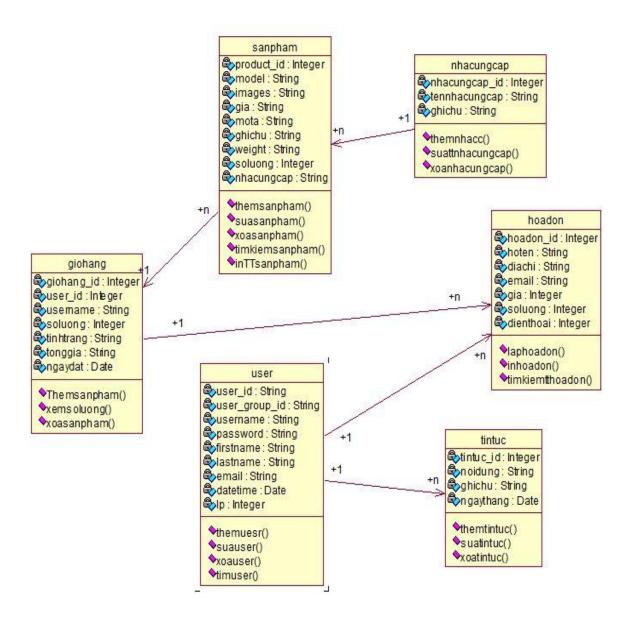
- Đặc tả ca sử dụng
- ✓ Mô tả tóm tắt
  - Tên ca sử dụng: thống kê
- Mục đích: giúp nhân viên thống kê số lượng hàng và doanh thu rùi báo cáo
   lên ban quản lý
- Tóm lược: Nhân viên thống kê hàng và doanh thu
- ✓ Mô tả kich bản
- Nhân viên chọn thống kê hàng mới cập nhật
- Hệ thống hiển thị số lượng hàng và thông tin hàng
- Nhân viên thống kê hàng bán chạy
- o Hệ thống hiển thị số lượng bán của từng hàng
- Nhân viên thống kê hàng tồn kho
- Hệ thống hiển thị số hàng còn trong kho theo từng mặt hàng
- ♣ Biểu đồ lớp tham gia ca sử dụng



# ♣ Biểu đồ trình tự



# 8) Biểu đồ lớp chi tiết

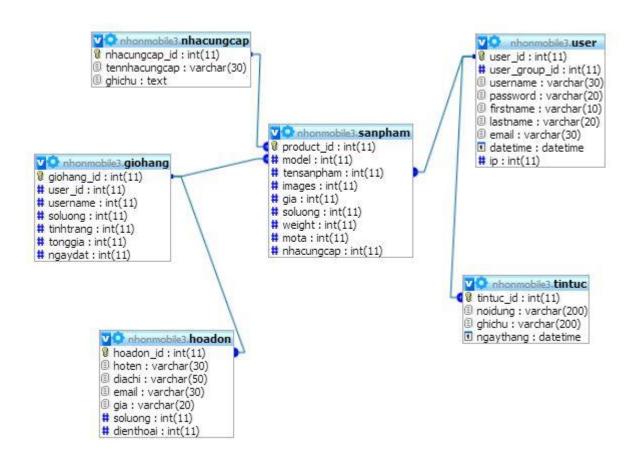


### 3. Thiết kế cơ sở dữ liệu

- ♣ Mô tả thực thể kết hợp
  - Nhacungcap(<u>nhacungcap id</u>, tennhacungcap, ghichu)
     Mỗi nhà cung cấp có một mã nhà cung cấp (id) duy nhất để phân biệt với các nhà cung cấp khác. Mỗi nhà cung cấp còn được xác định bởi tên nhà cung cấp, mô tả nhà cung cấp.
  - Sanpham(<u>product\_id</u>, model, images, soluong, gia, mota ghi chu, nhacungcap)
    - Id\_sanpham: là Mã sản phẩm (khóa chính)
    - model: tên của sản phẩm
    - images: Hình ảnh của sản phẩm
    - Gia: Giá cả của sản phẩm
    - Mota: mô tả về sản phẩm
    - Ghichu: một số thông tin thêm về sản phẩm
    - Soluong: số lượng sản phẩm đang có tại cửa hàng.
  - Giohang(giohang\_id, user\_id, username, soluong, tinhtrang, tonggia, ngaydat)
    - id\_giohang: Môi giỏ hàng có 1 id riêng để phân biệt với các giỏi hàng khác.
    - User\_id: id của người dùng giỏ hàng (nếu có)
    - User: Tên của người dùng đặt giỏ hàng
    - Soluong: Số lượng hàng có trong giỏ hàng
    - Tinhtrang: tình trạng của giỏ hàng
    - Giá của sản phẩm trong giỏ hàng
    - Ngaydat: Ngày tháng năm tạo giỏ hàng và mua hàng.
  - Hoadon(<u>hoadon\_id</u>, hoten, diachi, email, dienthoai, gia, soluong)
    - hoadon\_id: Mã của hóa đơn
    - Hoten: Họ tên của người mua hàng
    - Diachi: Địa chỉ của người mua hàng
    - Email: Hòm thư điện tử của người mua hàng
    - Dienthoai: Điện thoại của người mua hàng

- Soluong: Số lượng hàng mua.
- Gia: Là tổng số tiền phải trả, tiền hàng+ cước vận chuyển(nếu có)
- user(<u>user\_id</u>, user\_group\_id, username, password, email, fistnam, lastname, ip, datetime)
  - User\_id: Mã duy nhất của người dùng
  - Email: email của người dùng
  - User group id: người dùng thuộc nhóm nào
  - Password: Mật khẩu của người dùng
  - Firstname: Họ và tên đệm của người dùng
  - Lastname: Tên người dùng
  - Ip: cấp quyền cho người dùng
  - Datetime: ngày đăng kí của user
- Tintuc(id\_tintuc, noidung, ghichu)
  - Id\_tintuc: Mã của tin tức
  - Noidung: Nội dung của tin tức
  - Ghichu: Ghi chú thêm của phần tin tức

## ♣ Sơ đồ quan hệ dữ liệu



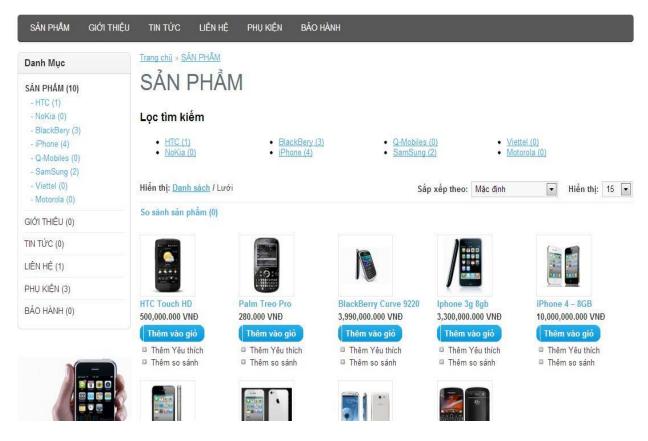
## IV. THIẾT KẾ GIAO DIỆN

♣ Trang chủ.



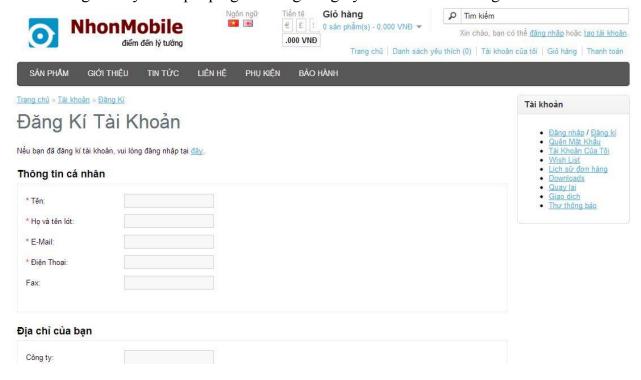
Trang này hiển thị toàn bộ những nội dung chính của trang Web. Trên đây bạn có thể thực hiện tất cả công việc mà bạn muốn bằng cách click vào những mục chọn tương ứng chương trình sẽ liên kết đến các trang tương ứng đáp ứng yêu cầu của bạn.

**♣** Trang sản phẩm.

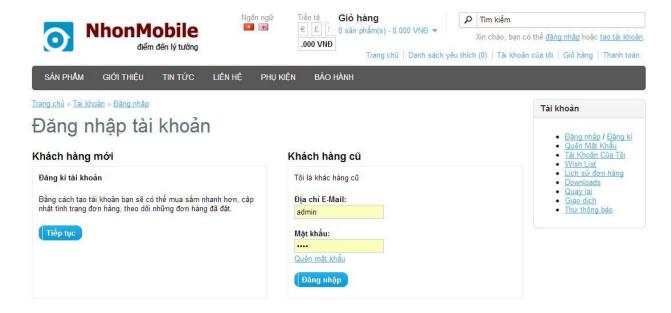


Hiển thị những loại sản phẩm có trong kho, số lượng, đơn giá. Mô tả và hình ảnh về sản phẩm.

♣ Trang đăn ký: Cho phép người dùng đăng ký để có thể mua hàng trên web.



Dăng nhập.

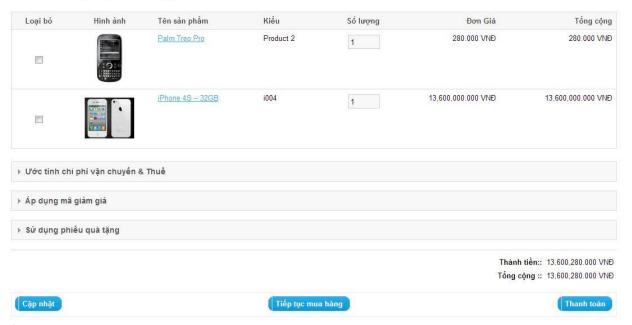


# ♣ Trang giới thiệu về cửa hàng



## ♣ Giao diện trang giỏ hàng

# Giỏ Hàng (0.13kg)

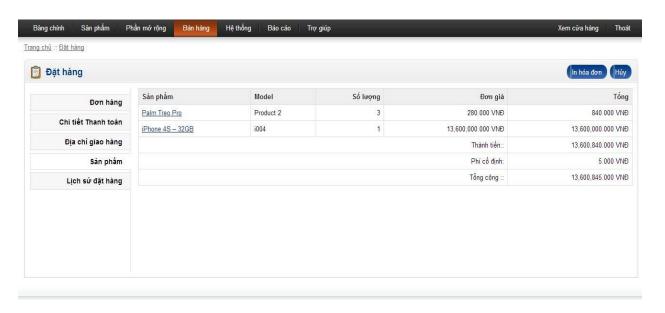


### ♣ Giao diện trang thanh toán:

#### Thanh Toán



# ♣ Giao diện đơn hàng ở trang admin



#### V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỀ TÀI

## 1. Đánh giá kết quả xây dựng cài đặt:

Trong quá trình thực hiện đề tài này em đã cố gắng hết sức để tìm hiểu xây dựng và cài đặt chương trình nhưng vì thời gian có hạn nên có thể chưa giải quyết được tất cả các vấn đề đặt ra. Em rất mong nhận được sự thông cảm của cô giáo. Em xin chân thành cảm ơn!

## > Những kết quả đạt được:

- Về công nghệ:
  - Tìm hiểu và nắm bắt được các công cụ thiết kế Web.
  - Biết được cách thiết kế Web động cũng như cách tổ chức cơ sở dữ liệu.
  - Các dịch vụ trên Internet, đặc biệt là Web.
- Về cài đặt chương trình:
  - Giao diện thân thiện với người dùng.
  - Giới thiệu các mặt hàng kinh doanh của công ty đến với khách hàng.
  - Cho phép tra cứu mặt hàng khi khách hàng có nhu cầu tìm hàng.
  - Cho phép khách hàng thực hiện việc đặt hàng qua mạng.
  - Tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng.
  - Lập hóa đơn.
  - Cập nhật: Mặt hàng, khách hàng, nhà cung cấp, đơn đặt hàng.
  - Thống kê các mặt hàng theo nhiều tiêu chí

# 2. Hướng phát triển đề tài

- Cho phép khách hàng mua và thanh toán trực tiếp qua mạng thông qua thẻ
   ATM
- Xây dựng hệ thống cho phép công ty mua hàng trực tiếp qua mạng.

KÉT LUẬN

Với tốc độ phát triển ngày càng tăng của mạng máy tính thì việc thiết kế và cài đặt các

ứng dụng cho người dùng là rất cần thiết. Vì vậy ý tưởng giới thiệu và bán hàng qua

mạng tuy không phải là mới nhưng phần nào cũng giúp cho khách hàng thuận tiện trong

việc lựa chọn và mua hàng.

Hiện nay việc ứng dụng thương mại điện tử ở Việt Nam chỉ đáp ứng được một số vấn

đề cơ bản về mua bán, chưa được linh hoạt. Việc ứng dụng này đòi hỏi phải tốn nhiều

thời gian và tiền bạc.

Với kiến thức nền tảng đã được học ở trường và bằng sự nỗ lực của mình, chúng em

đã hoàn thành đề tài "Xây dựng Website bán hàng trực tuyến". Mặc dù đã cố gắng và đầu

tư rất nhiều nhưng do thời gian có hạn . Em rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý

của cô giáo để đề tài của chúng em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa chúng em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Thanh Bình đã tận tình

giúp đỡ em trong suốt thời gian thực hiện đề tài này .Em xin chân thành cảm ơn cô!

Sinh viên thực hiên

Ngô Anh Quyết